

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **108/2019/HNGĐST**.

Ngày: 10-7-2019.

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Thề.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Sửu;
2. Bà Phạm Thị Như Sứy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019, tại Hội trường xét xử; Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 47/2019/TLST-HNGĐ ngày 13/3/2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17/6/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Th, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn Ph, xã K, huyện H, Thành phố Đà Nẵng.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn 5, xã Q, huyện S, tỉnh Quảng Nam.

Chị Th có mặt, anh L vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/3/2019, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Th trình bày: Chị và anh Nguyễn Thành L tổ chức xây dựng gia đình vào năm 2012 và được Ủy ban nhân dân xã K, huyện H, Thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 151 ngày 16/11/2012. Việc kết hôn giữa chị và anh L hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống thời gian đầu rất

hạnh phúc, nhưng bắt đầu từ năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân do anh L ham chơi, rượu chè, cờ bạc và nhiều lần đánh đập chị nên chị đưa con về nhà ba mẹ ruột sinh sống. Hiện nay, chị và anh L không còn tình cảm và không thể sống chung được với nhau nên chị yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh L có hai con chung tên Nguyễn Trần Diễm Q, sinh ngày 01/3/2013 và Nguyễn Phi H, sinh ngày 18/12/2015. Tại phiên tòa, chị có nguyện vọng nuôi hai con và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng, kể từ tháng 8 năm 2019 cho đến khi các con đủ tuổi thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ngoài ra, chị Th không có yêu cầu và trình bày gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L không hợp tác, cố tình không đến Tòa án làm việc, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, anh L không có ý kiến về nội dung vụ án và vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không có mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa là vi phạm quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 107, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Th được ly hôn với anh L và giao con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên; buộc anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn - anh Nguyễn Thành L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Th có quan hệ hôn nhân với anh Nguyễn Thành L và có hộ khẩu thường trú tại Thôn 5, xã Q, huyện S, tỉnh Quảng Nam. Nay, chị Th nộp đơn tại Tòa án yêu cầu ly hôn với anh L và giải quyết về con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật cần

giải quyết là “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh L tự nguyện tìm hiểu và đến với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện H, thành phố Đà Nẵng ngày 16/11/2012 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 151 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng bắt đầu từ năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn; theo chị Th nguyên nhân là do anh L không quan tâm đến gia đình, vợ con, ham chơi, rượu chè, bài bạc và nhiều lần có hành vi đánh đập chị nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay chị nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm nên không thể tiếp tục chung sống lâu dài với nhau và thực tế giữa chị và anh L đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Vì vậy, chị yêu cầu ly hôn với anh L. Tại biên bản xác minh ngày 12/4/2019, Hội Liên hiệp phụ nữ xã Q cung cấp: “*Chị Th và anh L không thường xuyên sinh hoạt tại địa phương nên không rõ nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị*”. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh L đều vắng mặt, không tham gia các phiên hòa giải theo các Thông báo của Tòa án. Tại phiên tòa, anh L tiếp tục vắng mặt không có lý do còn chị Th vẫn cương quyết xin ly hôn; điều này cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Th, anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống giữa chị Th và anh L có hai con chung tên Nguyễn Trần Diễm Q, sinh ngày 01/3/2013 và Nguyễn Phi H, sinh ngày 18/12/2015. Tại phiên tòa, chị Th có nguyện vọng được nuôi hai con. Theo kết quả xác minh tại Hội Liên hiệp phụ nữ xã Q ngày 12/4/2019 thì chị Th và anh L đều có khả năng lao động, đi làm và có thu nhập nên đủ điều kiện nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại các phiên tòa anh L đều vắng mặt không có lý do. Như vậy, anh L đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Q là con gái, cháu H mặc dù đã trên 36 tháng tuổi nhưng vẫn rất cần sự chăm sóc của người mẹ và hiện nay hai cháu đang do chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của các cháu; Hội đồng xét xử xét thấy cần giao hai cháu cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa, chị Th yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 3.000.000 (*Ba triệu*) đồng kể từ tháng 8 năm 2019 cho đến khi các con đủ tuổi thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị Th là phù hợp, đảm bảo điều kiện để nuôi dưỡng các cháu nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 107, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp chấp nhận yêu cầu của chị Th, buộc anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng/hai cháu (1.500.000 đồng/tháng/cháu) đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí ly hôn và anh Nguyễn Thành L phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Thành L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Diễm Q, sinh ngày 01/3/2013 và Nguyễn Phi H, sinh ngày 18/12/2015 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (*đủ 18 tuổi*). Anh Nguyễn Thành L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/tháng/cháu) đến khi các cháu Q, H đủ tuổi thành niên (*đủ 18 tuổi*). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 8 năm 2019.

Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền số 0006959 ngày 13/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Anh Nguyễn Thành L phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã K, huyện H, TP. Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Văn Thế